

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 185/2023/DS-PT

Ngày: 31/10/2023

V/v tranh chấp: “Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Hà

Các Thẩm phán:

Ông Cao Văn Lạc

Bà Đặng Thị Ánh Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Kim Yến - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:

Bà Đoàn Thị Kim Tuyền - Kiểm sát viên

Ngày 31 tháng 10 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý 180/2023/TLPT-DS, ngày 02 tháng 10 năm 2023, về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”, do Bản án dân sự sơ thẩm số 32/2023/DS-ST, ngày 28 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 212/2023/QĐ-PT ngày 16 tháng 10 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Hồng N - Sinh năm 1952; nơi cư trú: Số A, tổ B, ấp Đ, xã Đ, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long (Có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Đặng Thị E - Sinh năm 1968; nơi cư trú: Số A, tổ A, ấp Đ, xã Đ, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long (Có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Ông Nguyễn Văn C - Sinh năm 1952; nơi cư trú: Số A, tổ B, ấp Đ, xã Đ, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long (Vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Bà Đặng Thị E - Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện, bản tự khai đề ngày 10/01/2022 và trong suốt quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Lê Thị Hồng N trình bày:

Do là bạn bè đồng nghiệp với nhau nên bà Lê Thị Hồng N có cho bà Đặng Thị E vay 09 chỉ vàng 24K, lãi suất là 300.000đ/tháng, có làm biên nhận, cụ thể các lần mượn như sau:

Khoảng năm 2000, bà E vay 05 chỉ vàng 24K. Đến năm 2012 bà E trả được 02 chỉ, còn nợ lại 03 chỉ vàng 24K đến nay chưa trả.

Đến cuối năm 2014, bà E vay 02 chỉ vàng 24K. Sau đó khoảng 04-05 ngày, bà E đến vay thêm 04 chỉ vàng 24K (là sợi dây chuyền 3,5 chỉ và mặt dây chuyền 05 phân đều là vàng 24K). Bà E hứa trong vòng 02 tháng sẽ trả lại 06 chỉ vàng này cho bà nhưng đến nay vẫn không trả lại cho bà.

Các lần vay đều không làm biên nhận, sau đó vợ chồng bà E tranh chấp ly hôn, chia tài sản chung nên bà E nói với bà là viết biên nhận lùi thời gian để khi vợ chồng chia tài sản chung thì phải trả nợ xong còn dư tài sản mới chia. Tờ biên nhận đề ngày 10/11/2000 âm lịch là do bà E viết và ký tên. Bà đã nhiều lần yêu cầu trả nợ nhưng bà E vẫn không thực hiện, bà E cũng không đóng lãi cho bà. Do đó, bà khởi kiện yêu cầu bà E trả lại cho bà 0 chỉ vàng 24K, không yêu cầu trả lãi.

** Tại tờ tường trình đề ngày 16/5/2022 và trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là bà Đặng Thị E trình bày:*

Khoảng năm 2004-2006, bà có vay của bà N 05 chỉ vàng 24K, lãi 150.000đ/tháng/05 chỉ, không làm biên nhận. Năm 2012-2013, bà trả cho bà N được 02 chỉ thì bà ngưng đóng lãi, bà còn nợ lại 03 chỉ vàng 24K đến nay chưa trả.

Năm 2017, bà hỏi mượn của bà N 3,5 chỉ vàng 24K (là sợi dây chuyền 03 chỉ, mặt dây chuyền 05 phân), không làm biên nhận. Số vàng 3,5 chỉ 24K này bà đã trả nợ xong cho bà N thông qua việc trừ vào tiền hụi. Khi trừ tiền hụi để trả nợ sợi dây chuyền 3,5 chỉ vàng 24K thì không làm biên nhận.

Bà không vay 02 chỉ vàng 24K của bà N vào năm 2014. Ngoài ra, vợ chồng bà có cổ đất cho vợ chồng bà N giá 30 chỉ vàng 24K và bà có hỏi mượn thêm 01 chỉ vàng 24K, tổng số là 31 chỉ vàng 24K ghi trong tờ cổ đất, bà chưa trả cho bà N. Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cổ đất.

Đối với giấy biên nhận đề ngày 10/11/2000 âm lịch mà bà N nộp cho Tòa án, bà thừa nhận là do bà viết và ký tên. Tuy nhiên, thực tế bà không vay vàng của bà N, bà chỉ viết không để nhằm mục đích được chia nhiều hơn phần tài sản chung mà vợ chồng bà đang tranh chấp lúc bấy giờ. Khi viết giấy nợ 09 chỉ vàng của bà N thì chỉ có bà và bà N biết, không có ai chứng kiến.

Bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà N. Bà xác định chỉ còn nợ bà N 03 chỉ vàng 24K nên đồng ý trả cho bà N 03 chỉ vàng 24K, không đồng ý trả 09 chỉ vàng theo yêu cầu của bà N.

** Tại bản tự khai ngày 10/10/2022 và trong suốt quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn C trình bày:*

Năm 2014, bà E vay giùm cho anh bà E 03 chỉ vàng 24K. Sau đó bà E vay của vợ chồng ông (ông và bà N) 02 chỉ vàng 24K. Năm 2015, bà E vay thêm 04 chỉ vàng 24K (là sợi dây chuyền). Tổng cộng, bà E vay của vợ chồng ông là 09 chỉ vàng 24K. Vợ chồng ông đã đòi nhiều lần nhưng bà E không trả. Ông thống nhất với yêu cầu khởi kiện và ý kiến trình bày của bà N.

** Tại bản án dân sự sơ thẩm số 32/2023/DS-ST, ngày 28/7/2023, Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:*

Căn cứ vào Điều 119, 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2, 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016. Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Hồng N.

Buộc bà Đặng Thị E phải trả cho bà Lê Thị Hồng N 09 chỉ vàng 24K (98%).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự theo luật định.

Ngày 09/8/2023, bị đơn bà Đặng Thị E có đơn kháng cáo đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 32/2023/DSST ngày 28/7/2023 của Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long với nội dung: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm; chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Hồng N; bà E đồng ý trả cho bà Lê Thị Hồng N 03 chỉ vàng 24K mà bà E còn nợ bà N vào năm 2004.

** Tại phiên tòa phúc thẩm:*

Bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và không bổ sung thêm tài liệu, chứng cứ.

Nguyên đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bị đơn, thống nhất với Bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu quan điểm:

+ Về thủ tục: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Không chấp nhận kháng cáo của bà Đặng Thị E, giữ nguyên Bản án sơ thẩm. Bà E phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn C có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông C.

[2] Về kháng cáo của bà Đặng Thị E yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Hồng N, xét thấy:

[2.1] Tại giấy biên nhận đề ngày 10/11/2000 (âm lịch) có nội dung thể hiện bà E có hỏi (vay) của thím sáu C (tên thường gọi của bà N) 09 chỉ vàng 24K, lãi mỗi tháng 300.000đ; bà E thừa nhận giấy biên nhận là do bà viết và ký tên, việc bà E viết biên nhận thì không bị ai đe dọa, ép buộc. Theo nội dung kháng cáo thì bà E chỉ thừa nhận còn nợ bà N 03 chỉ vàng 24K nên bà đồng ý trả bà N 03 chỉ vàng 24K, số vàng còn lại bà không đồng ý trả.

[2.2] Xét thấy, đối với 03 chỉ vàng 24K bà N khai bà E vay năm 2000, quá trình giải quyết vụ án, bà E đã thừa nhận vào khoảng năm 2004–2006 bà có vay của bà N 05 chỉ vàng 24K, đến năm 2012–2013 trả được 02 chỉ, còn nợ bà N 03 chỉ vàng 24K nên đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với số vàng là sợi dây chuyền và mặt dây chuyền, bà N khai cho bà E mượn sợi dây chuyền và mặt dây chuyền trọng lượng là 04 chỉ vàng 24K, bà E thừa nhận có vay của bà N 01 sợi dây chuyền và mặt dây chuyền trọng lượng là 3,5 chỉ vàng 24K; tuy nhiên, bà E cho rằng đã trả lại cho bà N 3,5 chỉ vàng 24K thông qua việc hốt hụi và trừ vào tiền hụi xong nhưng bà N không thừa nhận và bà E cũng không có chứng cứ gì để chứng minh sợi dây chuyền có trọng lượng 3,5 chỉ vàng 24K, bà E cũng không có giấy tờ, tài liệu gì chứng minh đã trả cho bà N 3,5 chỉ vàng 24K cho bà N. Đối với 02 chỉ vàng 24K bà N khai cho bà E vay vào năm 2014, không làm biên nhận, sau đó bà E viết biên nhận cộng chung số vàng đã mượn thành 09 chỉ vàng 24K, bà E không thừa nhận có vay của bà N số vàng này như bà N trình bày; tuy nhiên, bà E thừa nhận tờ biên nhận ngày 10/11/2000 âm lịch là do bà viết và ký tên lùi thời gian; trong quá trình Tòa án cấp giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm, bà E không đưa ra được chứng cứ chứng minh bà không có nợ bà N 02 chỉ vàng 24K này. Do bà E là đương sự phản đối yêu cầu của bà N, là đương sự có nghĩa vụ chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ nên Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án là đúng quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Vì vậy, Bản án sơ thẩm xác định số vàng mà bà E

còn nợ bà N là 09 chỉ vàng 24K theo biên nhận đề ngày 10/11/2000 âm lịch và buộc bà E trả cho bà N số vàng này là phù hợp với quy định tại Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.3] Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Đặng Thị E, giữ nguyên Bản án sơ thẩm như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do không chấp nhận kháng cáo của bà E, giữ nguyên bản án sơ thẩm nên bà E phải chịu án phí dân sự phúc thẩm nhưng ông bà được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Các quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Đặng Thị E.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 32/2023/DS-ST ngày 28/7/2023 của Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long.

Căn cứ vào Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2, 4 Điều 91, Điều 147 và Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Hồng N.

Buộc bà Đặng Thị E có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị Hồng N 09 (Chín) chỉ vàng 24K (98%).

2. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Đặng Thị E chịu 2.466.000đ (Hai triệu bốn trăm sáu mươi sáu nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Đặng Thị E chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí mà bà E đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long theo biên lai thu số 0002021 ngày 11/8/2023; bà E đã nộp đủ.

Các quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP . HCM;
- VKSND tỉnh VL;
- TAND thị xã Bình Minh;
- Chi cục THADS thị xã Bình Minh;
- Đường sự;
- Lưu: Tòa Dân sự, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Hồng Hà